

ĐÁO HẠN THÀNH CÔNG

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- **Thị trường chứng khoán Châu Á** tăng điểm trở lại sau khi số liệu lạm phát (CPI) tại Mỹ trong tháng 12 được công bố hạ nhiệt tích cực.
- **VN-Index** tăng 6,18 điểm lên 1.242,36 điểm với thanh khoản đạt 13.299,1 tỷ đồng. Thị trường phiên nay mở cửa tăng điểm từ đầu phiên và duy trì thành công sắc xanh với dòng tiền được cải thiện. Tuy nhiên, chỉ số chủ yếu được điều tiết bởi nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn trong ngày đáo hạn Phái Sinh, với diễn hình là đà tăng của nhóm Chứng Khoán (+1,42%), Công Nghiệp (+1,43%) và Ngân Hàng (+0,62%).
- **Nhóm cổ phiếu VN30** tăng 5,61 điểm lên 1.303,25 điểm với sắc xanh chiếm đa số khi có 22 mã tăng điểm, 5 mã không đổi và 3 mã giảm điểm. Trong đó, VCB (+1,42%) và FPT (+0,69%) là các cổ phiếu tác động tốt tới chỉ số chung. Ở chiều ngược lại, SAB (-1,82%) và ACB (-0,20%) ảnh hưởng tiêu cực đến điểm số thị trường.
- **Nhóm Midcap – Smallcap** đồng loạt tăng điểm khi lần lượt tăng 12,28 và 3,73 điểm, tương đương mức 0,67% và 0,26% so với phiên qua.
- **HNX-Index** tăng 1,29 điểm lên 220,84 điểm với thanh khoản đạt 654,9 tỷ.
- **UPCom** tăng 0,15 điểm lên 92,42 điểm với tổng giá trị giao dịch ở mức 418,3 tỷ.

NHẬN ĐỊNH EVS

- **Về thị trường chung** dòng tiền tiếp tục cải thiện nhưng chỉ số phần nào bị nhiễu do được kéo trong phiên ATC.
- **Về kỹ thuật** đường giá duy trì xu hướng đáy sau cao hơn đáy trước. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật trên khung ngày như MACD hướng lên trở lại, trong khi RSI tạm thời vượt qua xu hướng giảm ngắn hạn.
- **Về hành động NĐT** ưu tiên theo dõi vận động thị trường trong các phiên tới do ảnh hưởng của ngày đáo hạn Phái Sinh. Hạn chế mua mới sớm khi chỉ số chưa xác nhận lấy lại xu hướng với thanh khoản gia tăng.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số	Điểm	Thay đổi	%Chg
Dow Jones	42.518,28	221,16	0,52%
S&P 500	5.842,91	6,69	0,11%
DAX	20.271,33	138,48	0,69%
NASDAQ	19.044,39	-43,71	-0,23%
Hang Seng	19.219,78	345,64	1,83%

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Chỉ số	Giá (USD)	Thay đổi	%Chg
Giá vàng	2.692,00	18,50	0,69%
Giá dầu Brent	80,36	-0,65	-0,80%
Giá dầu WTI	76,73	-0,57	-0,74%

THỊ TRƯỜNG NGOẠI TỆ

Chỉ số	Giá	Thay đổi	%Chg
USD/VND	25.380	-8	-0,03%
USD/JPY	157,94	0,49	0,31%
EUR/USD	1,0307	0,0063	0,62%

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

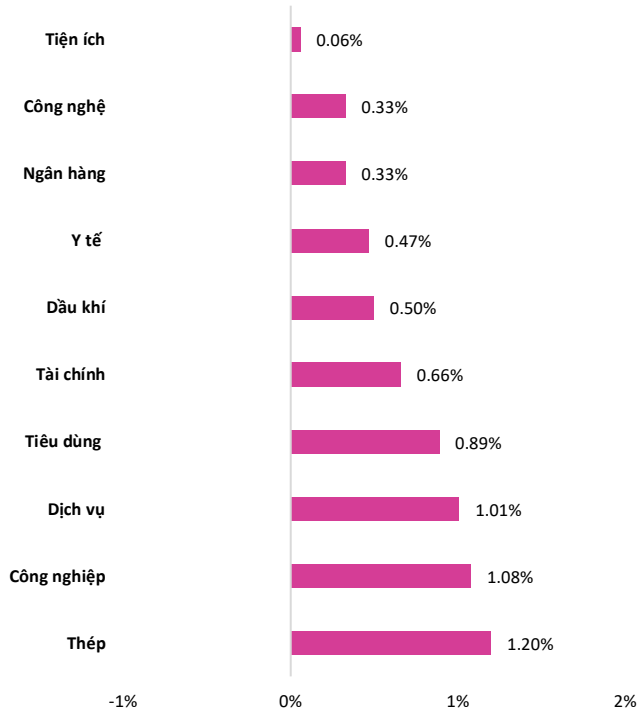
Chỉ số	Giá trị	Thay đổi	%Chg
VN-Index			
Đóng cửa [điểm]	1.236,18	7,11	0,58%
KLGD [triệu CP]	433,80	84,15	24,07%
GTGD [tỷ VND]	10.369,7	1.857,3	21,82%
HNX-Index			
Đóng cửa [điểm]	219,55	1,28	0,58%
KLGD [triệu CP]	62,33	29,37	89,09%
UPCoM			
Đóng cửa [điểm]	92,27	0,15	0,17%
KLGD [triệu CP]	27,29	-1,27	-4,44%
GTGD [tỷ VND]	389,0	355,3	0,09%

NGÀNH CÓ GTGD LỚN

Ngành	Điểm	Thay đổi	%Chg
Ngân hàng	519,34	1,71	0,33%
Bất động sản	291,78	1,47	0,51%
Chứng khoán	542,19	6,01	1,12%
Xây dựng	230,76	2,92	1,28%

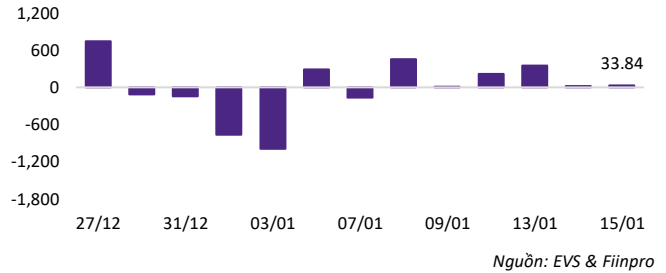
Các nhóm ngành đồng loạt tăng điểm mạnh mẽ

Diễn biến ngành



Nguồn: EVS & Fiiipro

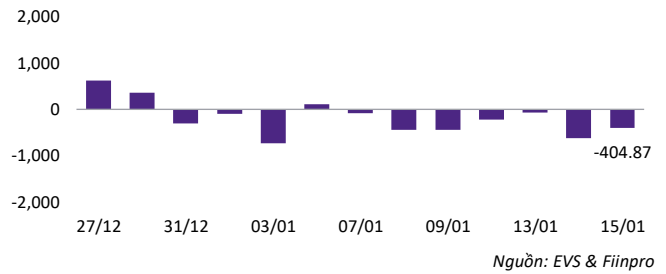
Tự doanh duy trì đà mua ròng



Nguồn: EVS & Fiiipro

Khối tự doanh hôm nay mua ròng phiên thứ 5 liên tiếp và chủ yếu mua vào FUEFVN30, E1VFN30.

Nước ngoài tiếp tục bán ròng



Nguồn: EVS & Fiiipro

Khối ngoại tiếp đà bán ròng và tập trung bán hoàn toàn theo phương thức khớp lệnh, đạt 404,87 tỷ.

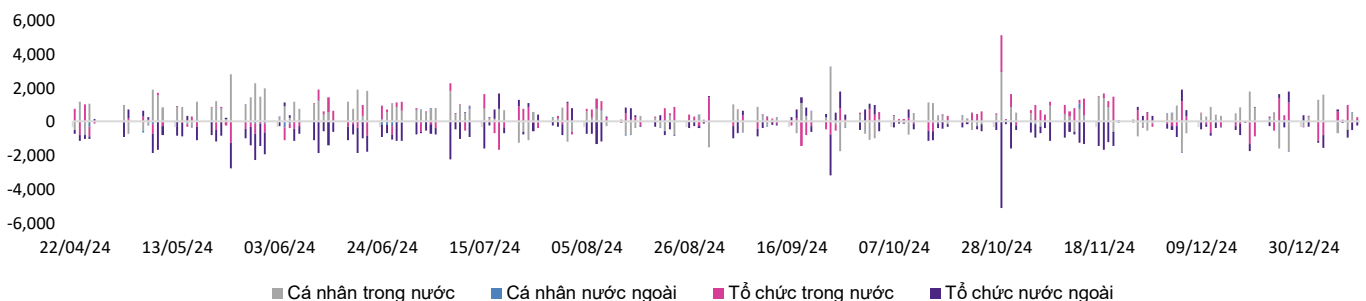
Top NĐTNN mua ròng

Mã	Đóng cửa	%Chg	GT ròng (tỷ VND)
HDB	21.650	2,36%	42,55
KBC	29.900	3,28%	38,32
MSN	65.800	3,30%	30,94
VPB	18.400	1,38%	24,36
DIG	18.250	1,96%	12,97

Top NĐTNN bán ròng

Mã	Đóng cửa	%Chg	GT ròng (tỷ VND)
FPT	145.500	0,28%	-143,71
STB	35.100	-0,85%	-133,19
HPG	26.200	1,35%	-51,73
SSI	24.150	0,84%	-37,88
CTG	36.750	-0,54%	-27,75

Giao dịch theo khối nhà đầu tư



Nguồn: EVS & Fiiipro

VN-Index tiệm cận vùng quá bán trong ngắn hạn

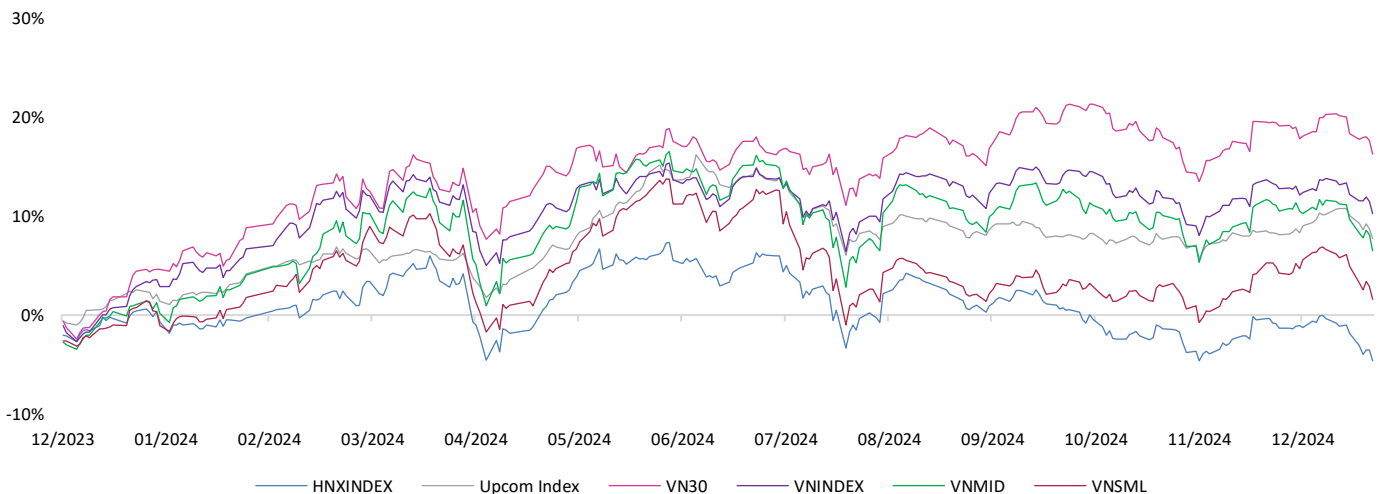
Xu hướng kỹ thuật



Nguồn: EVS & Finpro

Trên khung tuần, thị trường tiếp tục giữ vững xu hướng tích lũy hướng lên với đáy sau cao hơn đáy trước. Tuy nhiên, đường giá trong ngắn hạn đang kiểm tra lại mốc hỗ trợ trên đường xu hướng tăng trung hạn quanh 1.220 điểm. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật như MACD và RSI trên khung ngày vẫn đang ở trong xu hướng giảm nhưng NĐT hạn chế bán tháo cổ phiếu ở vùng giá hiện tại. Cần nhắc VN-Index hồi phục để cơ cấu bớt danh mục và chờ đợi các tín hiệu xác nhận rõ ràng hơn trước khi quay trở lại mua mới.

Thay đổi giá các nhóm



Nguồn: EVS & Finpro

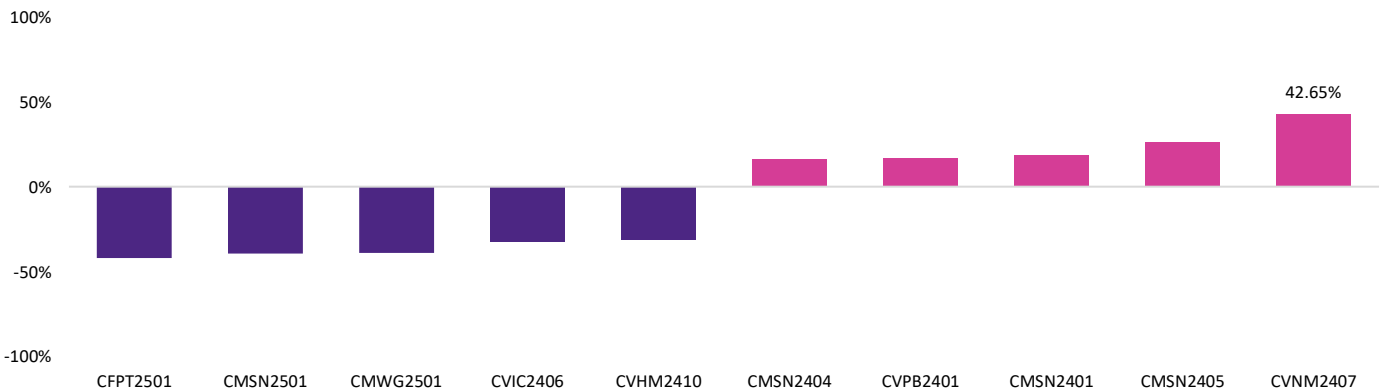
Thị trường phái sinh & Chứng quyền

Hợp đồng tương lai

Mã	Đóng cửa	Thay đổi	%Chg	KLGD (nghìn CP)	Đáo hạn
VN30F2501	1.296,60	5,40	0,42%	201,483	16/01/2025
VN30F2502	1.301,00	2,50	0,19%	15,330	20/02/2025
VN30F2503	1.307,60	4,60	0,35%	0,050	20/03/2025
VN30F2506	1.310,20	2,70	0,21%	0,092	19/06/2025
GB05F2503	0,00	0,00	0,00%	0,000	14/03/2025

Thị trường Phái Sinh hôm nay đóng cửa tăng điểm với biên độ từ 2,70 đến 5,40 điểm. Thanh khoản tăng nhẹ 5,33% so với phiên qua, đạt 201.483 hợp đồng. Nhìn chung, chỉ số VN30F1M đang tạo đáy trong vùng 1.285 – 1.300 điểm với thanh khoản ở ngưỡng trung bình. Các chỉ báo kỹ thuật trên khung ngày như MACD bắt đầu thu hẹp đà giảm, trong khi RSI đã tạo 2 đáy trong ngắn hạn và hướng lên trở lại. Tạm thời, NĐT theo dõi thêm biến động thị trường và chờ các tín hiệu xác nhận mới trước khi lựa chọn vị thế trong phiên đáo hạn Phái Sinh.

Top mã chứng quyền tác động mạnh



Nguồn: EVS & Fiiipro

Thị trường chứng quyền hôm nay diễn ra với sắc xanh chiếm ưu thế khi có 46 mã tăng và 40 mã giảm. Trong đó, mã tăng mạnh nhất thuộc về CVNM2407 khi đạt mức tăng 42,65%.

Tin tức & Sự kiện

Tin tức trong nước

Tỷ giá sụt giảm nhẹ.

Cụ thể, tại Ngân hàng Nhà nước, tỷ giá trung tâm hôm nay niêm yết **giảm 8 đồng so với sáng hôm qua, hiện còn 24.338 VND/USD. Với biên độ +/-5%, tỷ giá trần hiện ở mức 25.555 VND/USD, còn tỷ giá sàn là 23.121 VND/USD.** Tỷ giá tham khảo tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước giữ nguyên mức 23.400 - 25.450 VND/USD (mua vào - bán ra). Tại thời điểm 8h24, Vietcombank và BIDV cùng niêm yết tỷ giá USD ở mức 25.194 - 25.554 VND/USD (mua vào - bán ra). So với đầu giờ sáng hôm qua, giá mua vào và bán ra USD tại 2 ngân hàng trên đã giảm 9 đồng.

Tin tức nước ngoài

Ngân hàng Trung ương Indonesia giảm lãi suất xuống 5,75%.

Vào ngày 15/1, ngân hàng trung ương Indonesia (BI) bất ngờ cắt giảm lãi suất chính sách và tiếp tục nới lỏng tiền tệ nhằm thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á. **Lãi suất mua lại đảo ngược 7 ngày giảm 25 điểm cơ bản xuống 5,75%** và là lần cắt giảm đầu tiên kể từ tháng 9/2024, trong bối cảnh đồng rupiah đang chịu áp lực lớn. Sau động thái trên, đồng rupiah giảm xuống mức thấp nhất kể từ cuối tháng 7, đạt mức 16.320 đối 1 USD.

Chỉ số giá nhà sản xuất (PPI) tháng 12 của Mỹ thấp hơn so với dự báo.

Theo Báo cáo từ Cục Thống kê lao động (BLS) thuộc Bộ Lao động Mỹ, **chỉ số giá nhà sản xuất (PPI) tháng 12 chỉ tăng 0,2% so với tháng trước, thấp hơn nhiều so với mức tăng 0,4%** mà các nhà kinh tế đưa ra. Bên cạnh đó, PPI lõi, thước đo không bao gồm giá thực phẩm và năng lượng, đi ngang trong tháng. Số liệu PPI giúp xoa dịu phần nào mối lo của nhà đầu tư về việc FED sẽ giảm chậm lãi suất trong năm nay. Sau báo cáo PPI, mối quan tâm của nhà đầu tư sẽ hướng tới báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) dự kiến sẽ được công bố trong ngày mai và dự báo chỉ số CPI toàn phần sẽ tăng 0,3% trong tháng 12.

Lịch sự kiện trong tháng

Ngày	LỊCH SỰ KIỆN KINH TẾ TRONG THÁNG	NƯỚC
02/01/2025	CHỈ SỐ QUẢN LÝ THU MUA (PMI)	VN
02/01/2025	CHỈ SỐ QUẢN LÝ THU MUA (PMI)	MỸ
06/01/2025	CÔNG BỐ SỐ LIỆU KINH TẾ QUÝ IV VÀ NĂM 2024	VN
10/01/2025	CÔNG BỐ TỶ LỆ THẤT NGHIỆP	MỸ
14/01/2025	CHỈ SỐ GIÁ SẢN XUẤT (PPI) THÁNG 12	MỸ
15/01/2025	CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI) THÁNG 12	MỸ
16/01/2025	ĐÁO HẠN HĐTL THÁNG 1 (VN30F2501)	VN
20/01/2025	CÔNG BỐ THÀNH PHẦN CỔ PHIẾU MỚI TRONG VN30	VN
30/01/2025	FED CÔNG BỐ LÃI SUẤT ĐIỀU HÀNH	MỸ
30/01/2025	CÔNG BỐ SỐ SƠ BỘ GDP	MỸ

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mã CP	Ngành	Thời điểm khuyến nghị	Thời điểm mua	Giá mua vào	Target	Vùng cắt lỗ	Thời điểm bán	Giá bán ra	Lợi nhuận
STB	Ngân Hàng	01/01/2024	Không khớp	27.500	32.000	26.000	30/01/2024	30.700	12%
BSR	Dầu Khí	07/01/2024	09/01/2024	18.500	22.000	17.500	23/02/2024	20.000	8%
NT2	Điện Lực	14/01/2024	18/01/2024	25.500	30.500	24.000	30/01/2024	26.150	3%
GIL	Dệt May	21/01/2024	25/01/2024	26.500	32.000	24.500	23/02/2024	32.500	23%
HDG	Bất Động Sản	28/01/2024	Không khớp	25.000	28.000	24.500	23/02/2024	26.800	7%
GEG	Điện Lực	04/02/2024	Không khớp	13.000	15.000	12.500	28/02/2024	13.200	2%
VNM	Thực Phẩm	18/02/2024	Không khớp	69.000	80.000	65.500	13/03/2024	70.800	3%
PC1	Điện Lực	25/02/2024	26/02/2024	27.500	31.000	26.000	22/03/2024	28.550	4%
HHV	Xây Dựng	03/03/2024	06/03/2024	15.500	19.000	13.200	27/03/2024	15.700	1%
NLG	Bất Động Sản	10/03/2024	18/03/2024	41.000	46.000	38.000	02/04/2024	43.800	7%
DPG	Bất Động Sản	17/03/2024	Không khớp	41.500	46.000	39.000	10/04/2024	51.200	23%
NKG	Thép	24/03/2024	05/04/2024	25.000	29.500	23.000	15/04/2024	25.850	3%
VPB	Ngân Hàng	31/03/2024	01/04/2024	19.500	22.000	17.500	15/04/2024	19.700	1%
NVL	Bất Động Sản	07/04/2024	09/04/2024	18.000	22.000	16.500	15/04/2024	17.700	-2%
PVS	Dầu Khí	21/04/2024	23/04/2024	38.000	42.000	36.500	16/05/2024	45.600	20%
VNM	Thực Phẩm	05/05/2024	Không khớp	65.000	70.000	63.200	23/05/2024	67.000	3%
SMC	Thép	12/05/2024	Không khớp	12.500	14.000	11.300	14/06/2024	14.050	12%
DIG	Bất Động Sản	19/05/2024	21/05/2024	29.000	32.000	27.800	24/05/2024	29.200	1%
OCB	Ngân Hàng	26/05/2024	Không khớp	14.000	16.000	13.000	17/06/2024	15.450	10%
IJC	Bất Động Sản	02/06/2024	Không khớp	14.500	16.500	13.500	17/06/2024	16.300	12%
HAH	Cảng Biển	09/06/2024	Không khớp	44.000	50.000	41.000	17/06/2024	50.600	15%
DPG	Bất động sản	21/06/2024	24/06/2024	58.000	71.000	52.000	23/07/2024	52.000	-10%
MSH	Dệt may	29/06/2024	18/07/2024	46.000	54.000	41.000	21/08/2024	50.800	10%
TCM	Dệt may	08/07/2024	10/07/2024	53.000	60.000	48.000	02/08/2024	48.000	-9%
HAH	Cảng biển	15/07/2024	16/07/2024	44.500	50.000	40.000	01/08/2024	40.000	-10%
NLG	Bất động sản	28/07/2024	30/07/2024	42.100	47.000	40.000	01/08/2024	40.000	-5%
PNJ	Bán lẻ	04/08/2024	05/08/2024	96.000	106.000	90.000	26/08/2024	102.600	7%
MWG	Bán lẻ	11/08/2024	Không khớp	64.000	72.000	58.000	10/09/2024	67.800	6%

DANH MỤC CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mã CP	Ngành	Thời điểm khuyến nghị	Thời điểm mua	Giá mua vào	Target	Vùng cắt lỗ	Thời điểm bán	Giá bán ra	Lợi nhuận
VHC	Thủy sản	25/08/2024	26/08/2024	74.000	82.000	69.500	16/09/2024	69.500	-6%
BMP	Nhựa	18/08/2024	Không khớp	100.000	110.000	96.000	24/09/2024	124.500	25%
NTL	Bất động sản	09/09/2024	10/09/2024	21.500	24.000	20.500	25/09/2024	21.900	2%
FTS	Chứng khoán	15/09/2024	16/09/2024	43.500	48.500	40.000	26/09/2024	45.300	4%
PVP	Vận tải	01/09/2024	04/09/2024	17.200	19.500	16.000	04/10/2024	16.000	-8%
GMD	Cảng biển	21/07/2024	22/07/2024	78.200	87.000	72.000	18/10/2024	72.000	-8%
HCM	Chứng khoán	06/10/2024	17/10/2024	30.000	32.000	29.000	23/10/2024	29.000	-3%
LPB	Ngân Hàng	22/09/2024	Không khớp	31.000	34.000	29.000	04/11/2024	32.350	4%
OCB	Ngân Hàng	29/09/2024	02/10/2024	11.900	13.000	11.000	04/11/2024	11.000	-8%
PET	Bán Lẻ	13/10/2024	15/10/2024	27.000	29.500	25.500	15/11/2024	25.500	-6%
BVS	Chứng Khoán	10/11/2024	11/11/2024	41.300	45.000	38.000	15/11/2024	38.000	-8%
HDG	Bất Động Sản	03/11/2024	18/11/2024	27.000	29.500	25.500	26/11/2024	28.550	6%
VGI	Viễn thông	27/10/2024	Không khớp	64.000	70.500	61.000	05/12/2024	88.200	38%
TTA	Điện lực	09/12/2024	Không khớp	11.600	12.600	10.500	18/12/2024	13.100	13%
PVP	Vận tải	15/12/2024	16/12/2024	16.800	18.500	16.000	24/12/2024	17.700	5%
BFC	Hóa chất	24/11/2024	27/11/2024	39.000	42.000	36.000	25/12/2024	40.500	4%
TV2	Điện lực	29/12/2024	30/12/2024	34.350	37.000	32.000	07/01/2025	32.000	-7%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐANG THEO DÕI

Mã CP	Ngành	Thời điểm khuyến nghị	Thời điểm mua	Giá mua vào	Target	Vùng cắt lỗ	Thị giá	Lợi nhuận
NAB	Ngân Hàng	20/10/2024	21/10/2024	16.000	17.700	15.000	16.050	0%
BAF*	Thực phẩm	17/11/2024	18/11/2024	23.300	25.500	21.500	26.550	14%
REE	Điện lực	01/12/2024	02/12/2024	67.000	72.000	62.000	64.900	-3%
VIP	Vận tải	22/12/2024	26/12/2024	14.600	16.000	13.500	14.100	-3%
PNJ	Bán lẻ	05/01/2025	07/01/2025	96.000	106.000	93.000	94.300	-2%
VGC	Bất động sản	12/01/2025	13/01/2025	47.500	52.000	44.000	49.600	4%

(*): Tiếp tục nắm giữ cổ phiếu BAF, chốt lời khi giá giảm dưới mốc 26.

KHUYẾN CÁO

Các thông tin trong báo cáo được xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy. Tuy nhiên, ngoài những thông tin về chính Công ty Cổ phần Chứng khoán EVEREST (“EVS”), EVS không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong báo cáo này. Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của EVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo, EVS không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về độ chính xác của thông tin. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của EVS và không mang tính chất khuyến nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán hay công cụ tài chính có liên quan nào. Không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của EVS. Khi sử dụng các nội dung đã được EVS chấp thuận, xin vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn.

THÔNG TIN LIÊN LẠC

CTCP CHỨNG KHOÁN EVEREST (EVS) - Website: www.eves.com.vn

Trụ sở chính:

Tầng 3, 6, 9 Số 2A Phố Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84) 24 3772 6699 - Fax: (84) 24 3772 6763

Chi nhánh Sài Gòn:

Tầng M, Central Park Tower, 117 Nguyễn Du, Bến Thành, Quận 1, TP, Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84) 28 6290 6296

Fax: (84) 28 6290 6399

Chi nhánh Nguyễn Trãi:

Tầng 3, Tòa nhà VNT Tower, 19 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0243 936 6866

Fax: 0243 936 6586

PHÒNG PHÂN TÍCH**Phạm Văn Tuấn**

Trưởng phòng phân tích

tuanpv1@eves.com.vn

Vũ Mai Anh

Chuyên viên cao cấp

anhvm@eves.com.vn

Đình Quốc Khánh

Chuyên viên

khanhdq@eves.com.vn

Nguyễn Tùng Dương

Chuyên viên

duongnt@eves.com.vn

Mở tài khoản EVS tại:



Theo dõi chúng tôi tại:

